

Số: /KH-UBND

Gia Lai, ngày tháng 5 năm 2024

## KẾ HOẠCH

**Triển khai thực hiện một số nội dung về Thông tin và Truyền thông trong  
Tiểu dự án 1 và Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 10 của Chương trình Mục tiêu  
quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số  
và miền núi năm 2024 trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 18/2023/QĐ-TTg ngày 01 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện một số nội dung về thông tin và truyền thông trong Tiểu dự án 1 và Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 10 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

*Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Chương trình số 29-CTr/TU ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Tỉnh ủy Gia Lai về ban hành Chương trình hành động thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;*

*Căn cứ Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;*

*Căn cứ Kế hoạch số 2509/KH-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Quyết định số 1191/QĐ-TTg ngày 05/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đổi mới và nâng cao năng lực công tác thông tin tuyên truyền và thông tin đối ngoại góp phần xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển trên địa bàn tỉnh Gia Lai;*

*Căn cứ Quyết định số 466/QĐ-UBND ngày 19/ tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Kế hoạch số 1602/KH-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;*

*Căn cứ Kế hoạch số 2367/KH-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai triển khai thực hiện một số nội dung về Thông tin và Truyền thông trong Tiểu dự án 1 và Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 10 của Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;*

*Căn cứ Kế hoạch số 1290/KH-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung Kế hoạch số 1602/KH-UBND ngày 21/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;*

*Căn cứ Quyết định số 387/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.*

*Căn cứ Quyết định số 765/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 cho các đơn vị dự toán cấp tỉnh;*

*Căn cứ Kế hoạch số 556/KH-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2024;*

Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện một số nội dung về Thông tin và truyền thông trong Tiểu dự án 1 và Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 10 của Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024 trên địa bàn tỉnh Gia Lai như sau:

## **I. MỤC TIÊU**

1. Tiếp tục thực hiện công tác thông tin tuyên truyền, thông tin đối ngoại nhằm quảng bá hình ảnh Việt Nam nói chung, tỉnh Gia Lai nói riêng tới các nước có chung đường biên giới theo mục tiêu đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1191/QĐ-TTg.

2. Tiếp tục triển khai thiết lập điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin được quy định tại Tiểu dự án 10.2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thuộc Dự án 10 của Quyết định số 1719/QĐ-TTg.

**II. NHIỆM VỤ THỰC HIỆN THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI** (*Sản xuất nội dung phục vụ công tác thông tin tuyên truyền và thông tin đối ngoại*):

**1. Nội dung sản phẩm thông tin đối ngoại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:**

- Tuyên truyền chủ trương, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong quản lý, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia; xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; góp phần tăng cường, củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước; bảo đảm các dân tộc Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển, đặc biệt là khu vực biên giới, đóng góp vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đất nước;

- Tuyên truyền về tiềm năng, thế mạnh, các chính sách thu hút đầu tư ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, khu vực biên giới; các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống của cộng đồng các dân tộc thiểu số và miền núi khu vực biên giới gắn với phát triển du lịch;

- Tuyên truyền về thành tựu của Việt Nam trong việc bảo vệ và thúc đẩy quyền con người ở vùng đồng bào các dân tộc thiểu số và miền núi khu vực biên giới; tình hình tội phạm khu vực biên giới; tội phạm công nghệ cao để nâng cao

cảnh giác, phòng ngừa cho đồng bào dân tộc thiểu số; đấu tranh với các thông tin, quan điểm sai trái, thù địch, lợi dụng không gian mạng nhằm chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc ở khu vực biên giới; những nỗ lực, quyết tâm của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong việc bảo đảm quyền của đồng bào các dân tộc thiểu số và miền núi.

## **2. Hình thức sản phẩm thông tin, tuyên truyền:**

- Bản tin (thể hiện dưới dạng âm thanh, chữ viết, hình ảnh), tài liệu (thông tin chuyên đề, sổ tay nghiệp vụ), tờ rơi, tờ gấp, áp phích, thư viện điện tử, video clip.

- Thực hiện in, nhân bản, phát hành, phát sóng, đăng các sản phẩm thông tin đối ngoại phục vụ đối tượng, địa bàn thụ hưởng.

## **3. Về ngôn ngữ:**

Các sản phẩm tuyên truyền được sản xuất bằng tiếng Việt hoặc tiếng dân tộc thiểu số (Jrai, Bahnar), tiếng nước ngoài có chung đường biên giới (Campuchia) để phục vụ công tác thông tin tuyên truyền và thông tin đối ngoại trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

## **4. Tổ chức thực hiện:**

- Đơn vị chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông.

- Đơn vị phối hợp: Các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

## **III. THIẾT LẬP CÁC ĐIỂM HỖ TRỢ ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

**1. Dự kiến số lượng điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin: 57 điểm; cụ thể:**

- 1.1. Huyện Chư Puh: 05 điểm.
- 1.2. Huyện Chư Păh: 07 điểm.
- 1.3. Huyện Đức Cơ: 04 điểm.
- 1.4. Huyện Đak Pơ: 03 điểm.
- 1.5. Huyện Kông Chro: 14 điểm.
- 1.6. Huyện Phú Thiện: 07 điểm.
- 1.7. Huyện Chư Sê: 01 điểm.
- 1.8. Huyện Chư Prông: 02 điểm.
- 1.9. Huyện Kbang: 05 điểm.
- 1.10. Thị xã An Khê: 01 điểm.
- 1.11. Huyện Mang Yang: 05 điểm.
- 1.12. Huyện Đak Đoa: 03 điểm.

\* Năm 2023, huyện Ia Pa đã triển khai hoàn thành cho 07/07 xã, huyện Krông Pa đã triển khai hoàn thành cho 11/11 xã.

**2. Địa điểm:** Tại các xã thuộc khu vực III hoặc xã không thuộc khu vực III có thôn, làng đặc biệt khó khăn thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã thuộc tỉnh Gia Lai, mỗi xã 01 điểm (tại Phụ lục 01 kèm theo Kế hoạch này). Địa điểm cụ thể thiết lập điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin, đảm bảo thuận lợi cho người dân sử dụng, cụ thể như sau:

- 2.1. Có sẵn nhà kiên cố và hạ tầng công trình xây dựng.
- 2.2. Thuận tiện người dân đến tiếp cận, sử dụng dịch vụ.
- 2.3. Đảm bảo an toàn, an ninh về con người, tài sản, thiết bị.
- 2.4. Có nguồn điện ổn định.

### **3. Nội dung đầu tư:**

3.1. Danh mục thiết bị cơ bản tại mỗi điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi ứng dụng công nghệ thông tin (Quy định tại Điều 10 Thông tư số 03/2023/TT-BTTTT ngày 30/5/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông)

- Internet Tivi: 01 cái, được kết nối Internet;
- Amplifier (Amplify): 01 cái;
- Loa (phục vụ hội trường);
- Microphone (Micro);
- Bàn phím máy tính (có thể kết nối với Internet Tivi);
- Vật tư, thiết bị phụ trợ phục vụ công tác lắp đặt.

3.2. Các thiết bị nêu trên phải đảm bảo cấu hình kỹ thuật được quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2023/TT-BTTTT ngày 30/5/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông và Công văn số 5183/BTTTT-KHTC ngày 10/10/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc đính chính Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 03/2023/TT-BTTTT ngày 30/5/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông (Sở Thông tin và Truyền thông đã thông báo văn bản đính chính của Bộ Thông tin và Truyền thông theo Công văn số 241/STTTT-CNTT ngày 21/02/2024).

Trường hợp địa phương có nhu cầu về danh mục thiết bị, cấu hình kỹ thuật ngoài danh mục, cấu hình hướng dẫn tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 03/2023/TT-BTTTT ngày 30/5/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông, Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định trên cơ sở đảm bảo đúng mục tiêu, tiết kiệm, hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

3.3. Tổ chức tập huấn cho các đối tượng quản lý, vận hành, khai thác điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin cho các đối tượng theo quy định.

3.4. Cung cấp dịch vụ truy nhập internet băng rộng tại điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin: Thực hiện theo điểm b, khoản 3, Điều 53 của Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**4. Thời gian thực hiện:** Năm 2024.

**5. Hoạt động của điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin:**

- Hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin; tiếp cận thông tin về đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước qua mạng internet; sử dụng dịch vụ công trực tuyến; học tập, nâng cao trình độ, kiến thức, kỹ năng sản xuất, phát triển kinh tế, thương mại, khoa học kỹ thuật, văn hóa - xã hội, kiến thức về đảm bảo an ninh, trật tự cho đồng bào dân tộc thiểu số.

- Phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số và năng lực tiếp cận thông tin cho người dân, bao gồm các nội dung chính: Kỹ năng khai thác, sử dụng các ứng dụng di động, nền tảng số, dịch vụ trực tuyến trên mạng internet; kỹ năng sử dụng các dịch vụ công trực tuyến; kiến thức cơ bản về an toàn thông tin mạng và kỹ năng tự bảo vệ, chống các nguy cơ mất an toàn thông tin mạng cho cá nhân; nhận diện một số hình thức lừa đảo trên mạng; kiến thức, kỹ năng cơ bản về sử dụng máy tính và các nội dung khác theo xu hướng phát triển công nghệ số; nhận diện các phương thức, thủ đoạn của tội phạm công nghệ cao để nâng cao ý thức cảnh giác, phòng ngừa cho nhân dân; kiến thức, kỹ năng phòng ngừa, cảnh giác với các thông tin giả, sai sự thật, quan điểm sai trái, thù địch nhằm vào vùng dân tộc thiểu số.

#### **IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Kinh phí để triển khai các nhiệm vụ trong kế hoạch này được phân bổ từ nguồn Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

#### **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Thực hiện thông tin đối ngoại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:**

- Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương có liên quan triển khai thực hiện các nội dung tại **Phần II** của Kế hoạch này.

- Giao Sở Thông tin và Truyền thông tiếp nhận và gửi sản phẩm thông tin đối ngoại dưới dạng số hóa do địa phương thực hiện bằng nguồn kinh phí của Chương trình về Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Thông tin đối ngoại) để đưa vào cơ sở dữ liệu phục vụ công tác thông tin đối ngoại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi khu vực biên giới.

**2. Thiết lập điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin:**

### 2.1. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

- Tổ chức thực hiện Kế hoạch; báo cáo kết quả, tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch gửi về Sở Thông tin và Truyền thông định kỳ theo quy định; kịp thời tổng hợp, báo cáo các khó khăn, vướng mắc để đề xuất Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn, tháo gỡ.

- Kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện nguồn lực và các chỉ tiêu, nhiệm vụ, nội dung thành phần Chương trình được phân công chủ trì theo quy định.

- Quyết định phân bổ, điều chỉnh (nếu cần thiết) nguồn vốn trung ương bổ sung; nguồn kinh phí đối ứng (vốn sự nghiệp) ngân sách huyện để thực hiện Kế hoạch theo quy định.

### 2.2. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

Phối hợp với các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch phù hợp với yêu cầu, điều kiện thực tế tại đơn vị.

*(Kèm theo Bảng kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2 ban hành kèm theo Kế hoạch này)*

**3. Các địa phương có trách nhiệm báo cáo thực hiện nội dung về thông tin và truyền thông thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi gửi về Sở Thông tin và Truyền thông **trước ngày 20/12/2024** về kết quả thực hiện theo các biểu mẫu của Phụ lục 3 và Phụ lục 4 ban hành kèm theo Kế hoạch này.**

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện một số nội dung về thông tin và truyền thông trong Tiểu dự án 1 và Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 10 của Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; yêu cầu các đơn vị, địa phương thuộc tỉnh Gia Lai nghiên cứu triển khai thực hiện nghiêm túc, đúng quy định, có hiệu quả và tiết kiệm./.

#### **Nơi nhận:**

- Bộ Thông tin và Truyền thông (báo cáo);
- Ủy ban Dân tộc (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, NC, KGVX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Thanh Lịch**

**Phu lục 1:**

**Thiết lập điểm hỗ trợ: đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin trong Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024 trên địa bàn tỉnh Gia Lai**  
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

**ĐVT: Triệu đồng**

Số TT	Đơn vị hành chính (Huyện/xã)	Khu vực	Kinh phí năm 2024				Ghi chú
			Tổng số	NSTW	NSĐP	Khác	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
<b>I</b>	<b>Huyện Chư Puh</b>						
1	Xã Chư Don	Xã thuộc khu vực III	109,8	109,8			
2	Xã Ia Hla	Xã không thuộc khu vực III có thôn đặc biệt khó khăn	109,8	109,8			
3	Xã Ia Phang	Xã không thuộc khu vực III có thôn đặc biệt khó khăn	109,8	109,8			
4	Thị trấn Nhơn Hòa	Xã không thuộc khu vực III có thôn đặc biệt khó khăn	109,8	109,8			
5	Xã Le	Xã không thuộc khu vực III có thôn đặc biệt khó khăn	109,8	109,8			
<b>II</b>	<b>Huyện Chư Păh</b>						
1	Xã Ia Kreng	Xã thuộc khu vực III	250	250			Vốn chuyển nguồn từ năm 2023 sang năm 2024 thực hiện
2	Xã Hà Tây	Xã thuộc khu vực III	250	250			Vốn chuyển nguồn từ năm 2023 sang năm 2024 thực hiện
3	Xã Đăk Tơ Ver	Xã thuộc khu vực III	200	200			Vốn thực hiện năm 2024
4	Xã Chư Đăng Ya	Xã thuộc khu vực III	200	200			Vốn chuyển nguồn từ năm 2022 (đã chuyển nguồn sang 2023) sang năm 2024 thực hiện
5	Xã Ia Mơ Nông	Xã không thuộc khu vực III có thôn đặc biệt khó khăn	200	200			Vốn chuyển nguồn từ năm 2022 (đã chuyển nguồn sang 2023) sang năm 2024 thực hiện
6	Xã Ia Khuol	Xã không thuộc khu vực III có thôn đặc biệt khó khăn	200	200			Vốn thực hiện năm 2024
7	Xã Ia Phí	Xã không thuộc khu vực III có thôn đặc biệt khó khăn	200	200			Vốn thực hiện năm 2024
<b>III</b>	<b>Huyện Đức Cơ</b>						
1	Xã Ia Lang	Xã thuộc khu vực III	<b>115</b>	100	15		
2	Xã Ia Pnôn	Xã không thuộc khu vực III có thôn đặc biệt khó khăn	<b>144</b>	139	5		
3	Xã Ia Kriêng	Xã không thuộc khu vực III có thôn đặc biệt khó khăn	<b>113</b>	100	13		
4	Xã Ia Dok	Xã không thuộc khu vực III có thôn đặc biệt khó khăn	<b>114</b>	100	14		
<b>IV</b>	<b>Huyện Đak Pơ</b>						
1	Xã Yang Bắc	Xã không thuộc khu vực III có thôn đặc biệt khó khăn	67	67	0	0	
2	Xã An Thành	Xã không thuộc khu vực III có thôn đặc biệt khó khăn	67	67	0	0	
3	Thị trấn Đak Pơ	Xã không thuộc khu vực III có thôn đặc biệt khó khăn	85	85	0	0	



<b>V</b>	<b>Huyện Kông Chro</b>						
1	Xã Đăk Kơ Ning	Xã thuộc khu vực III	107	107			
2	Xã Đăk Song	Xã thuộc khu vực III	106	106			
3	Xã Đăk PLing	Xã thuộc khu vực III	107	107			
4	Xã Sơ Ró	Xã thuộc khu vực III	107	107			
5	Xã Ya Ma	Xã thuộc khu vực III	107	107			
6	Xã Đăk Tơ Pang	Xã thuộc khu vực III	106	106			
7	Xã Yang Nam	Xã thuộc khu vực III	107	107			
8	Xã Cho Glong	Xã thuộc khu vực III	107	107			
9	Xã Đăk Pơ Pho	Xã thuộc khu vực III	107	107			
10	Xã Chư Krei	Xã thuộc khu vực III	107	107			
11	Thị trấn Kông Chro	Xã không thuộc khu vực III có thôn đặc biệt khó khăn	4	4			
12	Xa Yang Trung	Xã không thuộc khu vực III có thôn đặc biệt khó khăn	2	2			
13	Xã Kông Yang	Xã không thuộc khu vực III có thôn đặc biệt khó khăn	5	5			
14	Xã An Trung	Xã không thuộc khu vực III có thôn đặc biệt khó khăn	5	5			
<b>VI</b>	<b>Huyện Phú Thiện</b>						
1	Xã Chư A Thai	Xã thuộc khu vực III	230.335	230.335			Vốn năm 2024
2	Xã Ia Yeng	Xã thuộc khu vực III	230.335	230.335			Vốn năm 2024
3	Xã Chrôh Ponan	Xã không thuộc khu vực III có thôn đặc biệt khó khăn	230.330	230.330			Vốn năm 2024
4	Xã Ia Ake	Xã không thuộc khu vực III có thôn đặc biệt khó khăn	100.000	100.000			Vốn năm 2023 chuyển qua 2024
5	Xã Ia Hiao	Xã không thuộc khu vực III có thôn đặc biệt khó khăn	100.000	100.000			Vốn năm 2023 chuyển qua 2024
6	Xã Ayun Hạ	Xã không thuộc khu vực III có thôn đặc biệt khó khăn	100.000	100.000			Vốn năm 2022 chuyển qua 2023
7	Xã Ia Piar	Xã không thuộc khu vực III có thôn đặc biệt khó khăn	100.000	100.000			Vốn năm 2022 chuyển qua 2023
<b>VII</b>	<b>Huyện Chư Sê</b>						
1	Xã Ayun	Xã thuộc khu vực III	202	202			
<b>VIII</b>	<b>Huyện Chư Prông</b>						
1	Xã Ia Púch	Xã không thuộc khu vực III có thôn đặc biệt khó khăn	113	113			
2	Xã Ia Mơ	Xã không thuộc khu vực III có thôn đặc biệt khó khăn	113	113			
<b>IX</b>	<b>Huyện Kông Bơ La</b>						
1	Xã Krong	Xã không thuộc khu vực III có thôn đặc biệt khó khăn	100	100	0	0	Vốn chuyển nguồn từ năm 2023 sang năm 2024 thực hiện
2	Xã Đăk Smar	Xã không thuộc khu vực III có thôn đặc biệt khó khăn	100	100	0	0	Vốn chuyển nguồn từ năm 2023 sang năm 2024 thực hiện
3	Xã Kông Bơ La	Xã không thuộc khu vực III có thôn đặc biệt khó khăn	100	100	0	0	Vốn thực hiện năm 2024

4	Sơ Pai	Xã không thuộc khu vực III có thôn đặc biệt khó khăn	100	100	0	0	Vốn thực hiện năm 2024
5	Xã Lơ Ku	Xã không thuộc khu vực III có thôn đặc biệt khó khăn	100	100	0	0	Vốn thực hiện năm 2024
<b>X</b>	<b>Thị xã An Khê</b>						
1	Xã Tú An	Xã không thuộc khu vực III có thôn đặc biệt khó khăn	26	26			
<b>XI</b>	<b>Huyện Mang Yang</b>						
1	Xã Kon Chiêng	Xã không thuộc khu vực III có thôn đặc biệt khó khăn	210,35	210,35			
2	Xã Đăk Trôi	Xã không thuộc khu vực III có thôn đặc biệt khó khăn	210,35	210,35			
3	Xã Đê Ar	Xã không thuộc khu vực III có thôn đặc biệt khó khăn	210,35	210,35			
4	Xã Lơ Pang	Xã không thuộc khu vực III có thôn đặc biệt khó khăn	210,35	210,35			
5	Xã Đăk Jơ Ta	Xã không thuộc khu vực III có thôn đặc biệt khó khăn	210,35	210,35			
<b>XII</b>	<b>Huyện Đak Đoa</b>						
1	Xã AĐok	Xã khu vực III	212	212			
2	Xã Kon Gang	Xã không thuộc khu vực III có thôn đặc biệt khó khăn	212	212			
3	Xã Hnol	Xã không thuộc khu vực III có thôn đặc biệt khó khăn	212	212			

\* Năm 2023, huyện Ia Pa đã triển khai hoàn thành cho 07/07 xã, huyện Krông Pa đã triển khai hoàn thành cho 11/11 xã.

**PHỤ LỤC 2**

**Kế hoạch thực hiện Sản xuất các sản phẩm thông tin đối ngoại vùng đồng bào dân tộc  
thiểu số và miền núi năm 2024 trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

STT	Nội dung thực hiện	Số lượng	Kinh phí (ĐVT: triệu đồng)		Ghi chú
			NSTW	NSDP	
1	Bản tin	2	282	20	
2	Video clip	5	96	3	
<b>Tổng cộng</b>			<b>378</b>	<b>23</b>	

**PHỤ LỤC 3**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

**Sản xuất các sản phẩm thông tin đối ngoại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**  
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Số TT	Tên Sản phẩm	Số lượng	Nội dung	Hình thức thể hiện (Bản tin, xuất bản phẩm ...)	Ngôn ngữ	Nguồn kinh phí được cấp (triệu đồng)			Nguồn kinh phí đã sử dụng (triệu đồng)		
						NSTW	Địa phương	Khác	NSTW	Địa phương	Khác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	...										
2	....										
...											

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Chữ ký, dấu)

**Họ và tên**

PHỤ LỤC 4

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN

Thiết lập điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin trong Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Đơn vị hành chính (Huyện/xã)	Khu vực	Internet Tivi				Amplifier				Loa				Microphone				Bàn phím máy tính				Vật tư, thiết bị phụ trợ khác phục vụ công tác lắp đặt						
			Kinh phí thực hiện (triệu đồng)				Kinh phí thực hiện (triệu đồng)				Số lượng (cái)	Kinh phí thực hiện (triệu đồng)				Số lượng (cái)	Kinh phí thực hiện (triệu đồng)				Kinh phí thực hiện (triệu đồng)								
			Tổng số	NSTW	NSDP	Khác	Tổng số	NSTW	NSDP	Khác		Tổng số	NSTW	NSDP	Khác		Tổng số	NSTW	NSDP	Khác	Tổng số	NSTW	NSDP	Khác	Tổng số	NSTW	NSDP	Khác	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)
I	Huyện...																												
1	Xã .....																												
2	Xã .....																												
3	Xã .....																												
4	Xã .....																												

....., ngày.....tháng .....năm 20....

Lập biểu

Ký và ghi rõ họ tên

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

Đối với cột (3): Ghi rõ xã thuộc khu vực III hoặc xã không thuộc khu vực III có thôn đặc biệt khó khăn.